

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-02-2019

V/v: “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Đặng Quang Phúc**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. **Bà Huỳnh Thị Châu**

2. **Ông Nguyễn Tấn Xuân**

- Thư ký phiên tòa: **Bà Trần Thị Lệ Thanh** - Thư ký Tòa án huyện Thống Nhất.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Phương Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại Hội trường A - Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018, về việc “*Ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/QĐST- HNGĐ, ngày 31/01/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Vũ Thị Kim D**; sinh năm: 1977

HKTT: số 34C/2, ấp Đức L 2, xã Gia T 2, h Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

Nơi cư trú: số 380/3 ấp Tân Y, xã Gia T 3, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* **Anh Nguyễn Văn V**; sinh năm: 1969

HKTT: số 34C/2, ấp Đức L 2, xã Gia T 2, h Th Nh, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D có mặt, anh V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 6 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Vũ Thị Kim D trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân Chị Vũ Thị Kim D và anh Nguyễn Văn V được tự nguyện tìm hiểu yêu thương, năm 2016 chị D và anh V tổ chức cưới đến ngày 04/08/2016 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

Trước khi chị D kết hôn với anh Vượng chị D đã có một đời chồng tên là Trần Văn Ph (hiện tại anh Ph đã chết vào 18/5/2008).

Về phía anh V cũng đã có 01 đời vợ là chị Đinh Thị L, sinh năm 1970, đã chết vào năm 2013.

Sau khi kết hôn chị D và anh V chung sống hạnh phúc được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do tính tình không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, anh V rất gia trưởng không cho chị D nói chuyện, tiếp xúc với hàng xóm, mọi việc trong nhà anh làm không bàn bạc với chị D mà chỉ do anh V và con riêng của anh tự quyết.

Mặt khác con riêng của anh V hay đánh con của chị D, chị có ý kiến với anh V sự việc đánh nhau giữa con của chị và con của anh nhưng anh không can thiệp mà chỉ im lặng. Từ những bất đồng nêu trên làm cho đời sống vợ chồng không hạnh phúc.

Tháng 6/2018 đến nay vợ chồng không sống chung, chị D về sinh sống tại địa chỉ: ấp Tân Y, xã Gia T 3, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai, trong thời gian sống ly thân anh V có đến gặp chị bàn bạc đoàn tụ nhưng chị không đồng ý vì anh V đã nhiều lần dùng lời lẽ xúc phạm chị, nhưng anh không sửa đổi.

Trước Tòa án chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có. Chị xin được ly hôn với anh V.

Về con chung: Chị D và anh V chưa có con chung.

Về tài sản chung: chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh V và chị D chung sống với nhau vào năm 2016 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gia Tân 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, đến ngày 04/8/2016 thì được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Đây là hôn nhân lần thứ 2 của anh V.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng nửa năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn từ kinh tế gia đình và thái độ sống của chị D không tốt, chị D không quan tâm chăm sóc cha mẹ chồng khi ông bà ốm đau. Mặt khác chị D và con riêng của anh thường hay xảy ra bất hòa gây gổ với con riêng của chị nên anh V tức giận có chửi mắng chị D nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đời sống chung không hạnh phúc.

Từ tháng 6/2018 vợ chồng không sống chung như chị D khai là đúng anh thừa nhận, trong thời gian vợ chồng không sống chung anh Vượng có đến gặp chị D bàn bạc đoàn tụ nhưng chị D không chấp nhận.

Anh V xác định còn thương chị D, việc chị D xin ly hôn anh V không đồng ý.

Về con chung: vợ chồng chưa có con chung như chị D khai là đúng.

Về tài sản chung: anh V không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt. do đó áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự giải quyết vụ án theo thủ tục chung, xét xử vắng mặt anh V.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị Kim D;

Chị D phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Nguyên đơn chị Vũ Thị Kim D khởi kiện tranh chấp ly hôn, bị đơn anh Nguyễn Văn V có nơi cư trú tại địa chỉ: số 34C/3, ấp Đức L 2, xã Gia T 2, huyện Th Nh, tỉnh Đồng Nai, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn V.

[2] Về hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/8/2016, đáp ứng điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên hôn nhân của chị D và anh V được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, chị D được quyền xin ly hôn với anh V theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa chị D giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn V, xác định tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, chị D và anh V sống ly thân từ tháng 6/2018 đến nay không gặp nhau bàn bạc đoàn tụ.

Về phía bị đơn anh V vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản ghi lời khai ngày 20 tháng 8 năm 2018 anh V khai việc chị D xin ly hôn, anh V không đồng ý vì anh còn tình cảm với chị D.

Trên cơ sở lời khai của chị D và anh V hội đồng xét xử nhận định:

Hôn nhân giữa chị D và anh V được xác lập trên cơ sở tự nguyện, sau khi cưới chị D và anh V đều xác nhận anh chị sống hạnh phúc, trong thời gian chung sống mới phát sinh mâu thuẫn, tháng 6/2018 chị D và anh V sống ly thân.

Theo chị D khai anh V có tính gia trưởng, không tôn trọng chị D mọi việc trong gia đình đều do anh V và con của anh quyết định. Mặt khác con riêng anh V thì hay đánh con riêng của chị D nhưng anh V không có ý kiến giải quyết, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng.

Về phía bị đơn anh V khai, mâu thuẫn giữa vợ chồng chủ yếu là về kinh tế và mâu thuẫn về con riêng của mỗi bên nên xảy ra cãi vã đời sống chung của vợ chồng không hạnh phúc.

Anh V khai anh còn thương chị D nhưng anh không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án, trong thời gian sống ly thân anh V cũng không có biện pháp nào để hàn gắn lại tình cảm với chị D, điều đó cho thấy anh V không có thiện chí mong muốn hòa giải đoàn tụ để xây dựng lại gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn hôn nhân

lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị D, cho chị D được ly hôn với anh V.

[3] Về nuôi con chung: Chị D và anh V có lời khai thống nhất, anh chị chung sống không có con chung nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị D và anh V không tranh chấp nên hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[7] Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 8; Điều 9; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Vũ Thị Kim D và anh Nguyễn Văn V
2. Về nuôi con chung: Chị D và anh V không có con chung.
3. Về chia tài sản chung: các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về án phí: Chị Vũ Thị Kim D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí sang nộp án phí theo biên lai thu số 008796 ngày 02/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Chị Vũ Thị Kim D đã nộp đủ tiền án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh ĐN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- VKS huyện TN;
- UBND xã Gia Tân 2
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Quang Phúc

